

A - NA - LUẬT

(Thiên nhân đệ nhất)



A-na-luật
(Thiên nhân đệ nhất)

I. Từ 7 năm xuống 7 tháng rồi 7 ngày

Thân vương Sukkoda là chú ruột của Thái tử Tất Đạt Đa. Ngài có 2 con trai : Mahanama và A-na-luật.*

A-na-luật thông minh, tánh tình hoà nhã, được các cô gái mến yêu, nhưng chàng lại lơ là chuyện vợ chồng.



Ngày Phật trở về quê hương lần thứ nhất, ở Ca-tỳ-la-vệ có rất nhiều người xuất gia : trong hoàng tộc thì có Nan-da, La-hầu-la ; ngoài dân chúng có tới mấy trăm người. Bấy giờ Mahanama đến gặp em mình.

A-na-luật,
nhiều người đã theo Phật. Gia đình ta cũng nên có một người. Anh nhường vinh dự này cho em.



* Xem gia phả của Thái tử Siddhatta, trang 19.







A-na-luật thuật lại chuyện mình bị mẹ “ép buộc” như thế nào. Bhaddiya nghe xong, ngồi im lặng thật lâu, rồi nói :





Hai người bạn trẻ – thân thiết nhau từ thuở nhỏ – tiếp tục “cò kè” với nhau. Cuối cùng Bhaddiya nói :

Thôi
được rồi ! Hỡi
người bạn thân nhất,
hãy cho tôi
7 NGÀY.

Hay lắm !
Bảy ngày sau,
chúng ta ra đi. Tôi
sẽ rủ thêm nhiều
bạn nữa.



A-na-luật chạy như bay về nhà, báo tin cho thân mẫu. Bà mẹ trầm ngâm một thoáng rồi tươi nét mặt.

Ai mà ngờ
Bhaddiya lại có
một quyết định cao đẹp
như vậy. Đây hẳn là
phước phần của
con mình.

Mẹ cho
con xuất gia
không ?

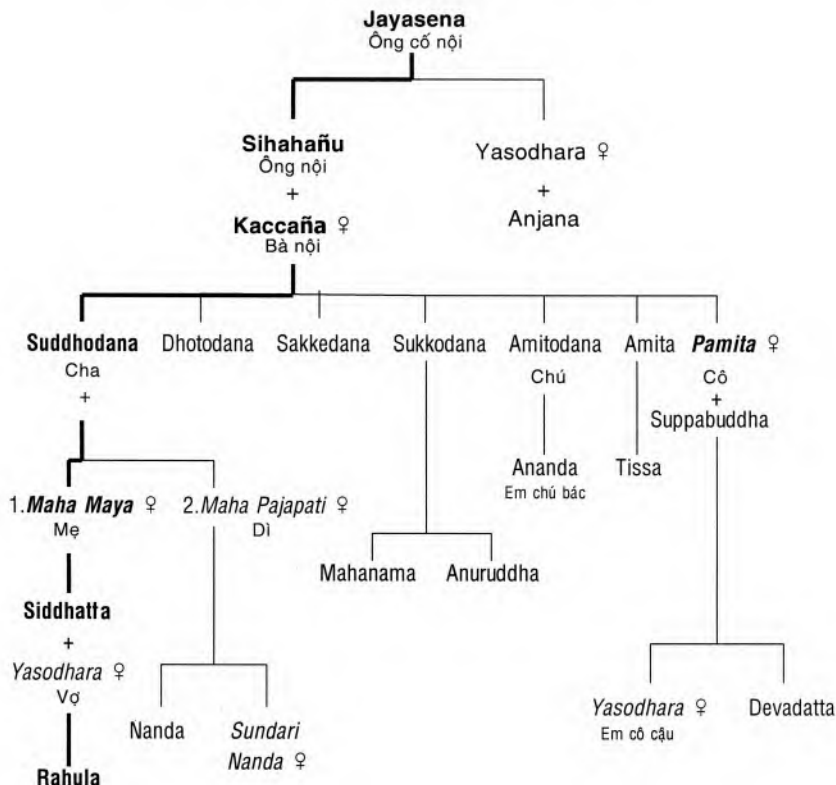
Mẹ không
nuốt lời hứa
đâu ! *



* Mời quý bạn xem *Chuyến xuất gia của A-na-luật* ở bài Upali.

6. Gia phả của Thái tử Siddhatta

HỌ BÊN NỘI



1. Vua **Jayasena** (của nước Sakya) có 2 người con, **Sihahanu** và **Yasodhara**.
2. Vua **Sihahanu** lấy vợ là **bà Kaccana** sinh ra 7 người con : người con cả là **Siddhodana** và con gái út là **Pamita**.
3. Vua **Siddhodana** lấy người vợ thứ nhất, là **bà Maha Maya** sinh ra Thái tử **Siddhatta**, lấy vợ thứ hai là **Maha Pajapati** sinh ra **Nanda** và **Sundari Nanda**.
4. Thái tử **Siddhatta** lấy công chúa **Yasodhara** của nước Koliya, sinh ra **Rahula** (Công chúa **Yasodhara** trùng tên với **bà ngoại Yasodhara** của Thái tử). Mặt khác, cô **Pamita** lấy chồng là **Suppabuddha** sinh ra công chúa **Yasodhara** và hoàng tử **Devadatta**.

II. Từ chối lời cầu hôn của một cô gái

Sau khi xuất gia, tỳ kheo A-na-luật rất tinh tấn trong việc tu hành. Ngày nọ, Đại đức rời Kỳ Viên, đi giáo hoá ở vùng xa. Trên đường làng vắng vẻ, không có nơi dành riêng cho các tỳ kheo nghỉ trọ. Trời sắp tối. Mây đen phủ kín không gian.



Đại đức ghé vào một ngôi nhà, xin tạm trú. Rủi thay ! Mọi người đều đi vắng, trừ một cô gái.



Đại đức còn đang do dự thì mưa đã nặng hạt. Thiếu nữ tiếp khách rất niềm nở, nhưng nhà tu vẫn cứ ngồi yên, tham thiền, không để ý đến “những lời gợi ý” của nữ chủ nhân.

Đêm đã khuya. Bốn bề im vắng. Trong ánh sáng lung linh của ngọn đèn dầu, cô gái bước đến bên Đại đức.

Không
biết tại sao vừa
thấy thầy, là em đem
lòng cảm mến. Thầy
còn trẻ, hãy hoàn
tục...

...và
cưới em. Chúng ta
sẽ sống đời giàu sang,
hạnh phúc.



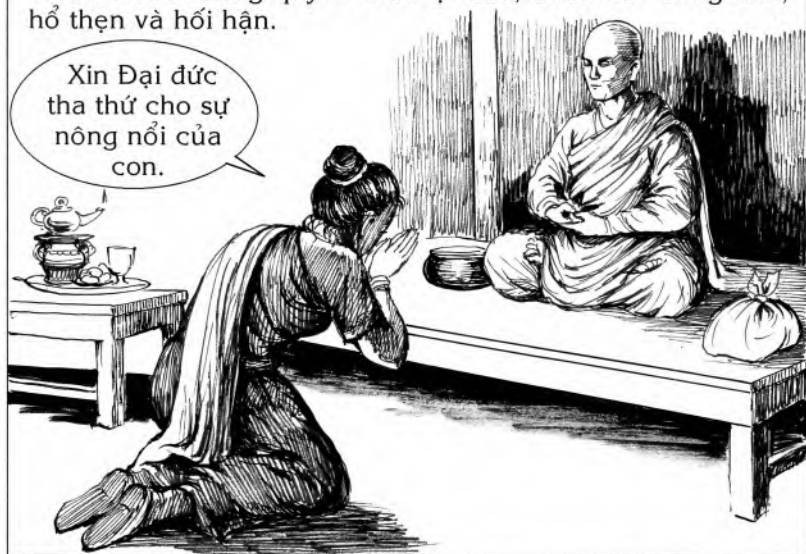
Càng nói, thiếu nữ càng bạo dạn hơn, toan nắm lấy bàn tay của A-na-luật, nhưng nhà sư trẻ nhắm mắt lại, dụi dàng nói :

Hãy dừng lại !
Tôi là người xuất gia,
đã từ bỏ mọi lạc thú trên
đời ! Cô hãy để lòng
bình thần trở lại.



Trước lời lẽ cương quyết của Đại đức, thiếu nữ bưng bình, hổ thẹn và hối hận.

Xin Đại đức
tha thứ cho sự
nông nổi của
con.



Sáng hôm sau, cô gái nhờ A-na-luật giúp mình được *quy y* Phật. Về sau, cô trở thành một nữ cư sĩ rất thuần thành.



Sau khi nghe A-na-luật kể lại chuyện này, Phật đưa ra một giới luật : *Từ nay các tỳ kheo không được sống trong nhà của một nữ nhân, càng không được ngủ chung phòng với họ.*

III. A-na-luật bị mù vì không chịu ngủ



Hôm đó các tỷ kheo đang chăm chú nghe Phật giảng, riêng A-na-luật ngồi ngủ gục.



Phật nhìn về phía người phạm lỗi, không nói một lời. Bảy giờ một tỷ kheo xô nhẹ A-na-luật. Đại đức giật mình...





Thế rồi kể từ hôm đó, A-na-luật tinh tấn tu hành liên tục : từ sáng đến tối, hết đêm đến ngày.



Một thời gian sau, đôi mắt Đại đức sùng húp.

Phật lo lắng.

Này A-na-luật, tu hành không đúng mức hoặc thái quá đều không tốt.

Bạch Thế Tôn, con đã phát nguyện *không ngủ nữa* ! Con không thể trái lời nguyện.

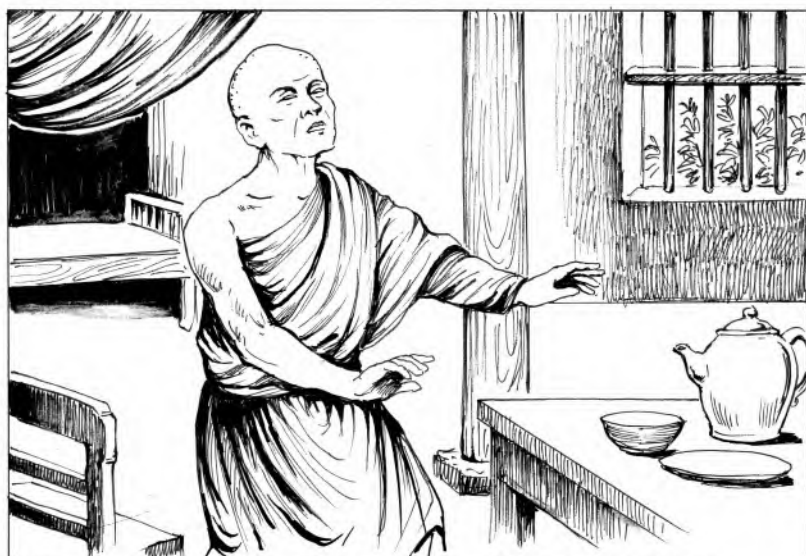




Phóng dật : Buông thả, thả lỏng thân và tâm ★ **Cảnh giới** : Lãnh vực, khung cảnh ★ **Vô vi** : Không sanh diệt, không biến đổi.

Ít lâu sau, Phật sai người đến khám bệnh cho A-na-luật.

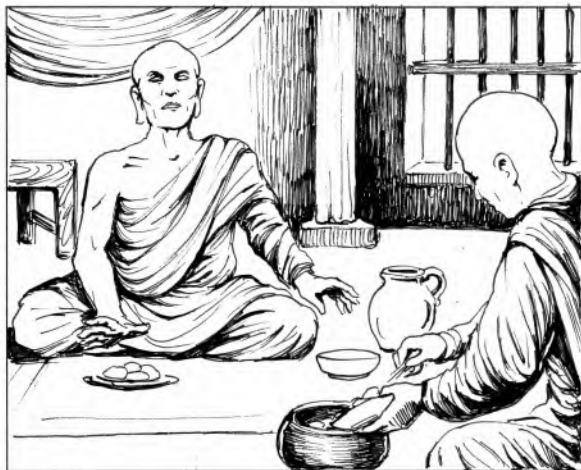
Bạch
Thế Tôn, tôn giả
A-na-luật chỉ cần ngủ
trở lại là hết
bệnh.



Nhưng A-na-luật vẫn không ngủ, cuối cùng phải bị mù.

IV. Phật vá áo cho A-na-luật

Thế là mọi sinh hoạt hằng ngày của A-na-luật trở nên khó khăn. Các tỷ kheo khoẻ mạnh, đủ sức đi nhiều... đã sốt ruột phần của mình cho A-na-luật, nhờ vậy việc ăn uống của tôn giả cũng tạm ổn.

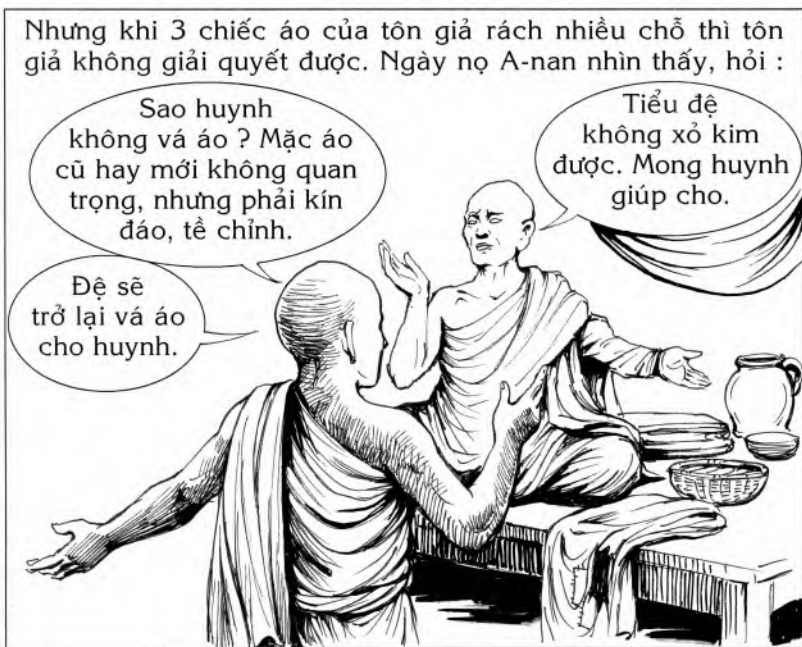


Nhưng khi 3 chiếc áo của tôn giả rách nhiều chỗ thì tôn giả không giải quyết được. Ngày nọ A-nan nhìn thấy, hỏi :

Sao huynh không vá áo ? Mặc áo cũ hay mới không quan trọng, nhưng phải kín đáo, tề chỉnh.

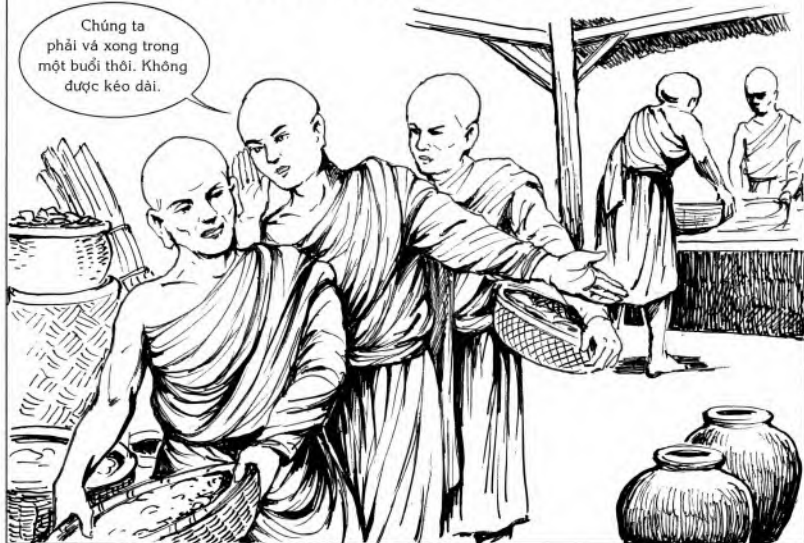
Đệ sẽ trở lại vá áo cho huynh.

Tiểu đệ không xỏ kim được. Mong huynh giúp cho.



A-nan về tỉnh xá, mời vài tỷ kheo đi vá áo cho A-na-luật.

Chúng ta phải vá xong trong một buổi thôi. Không được kéo dài.



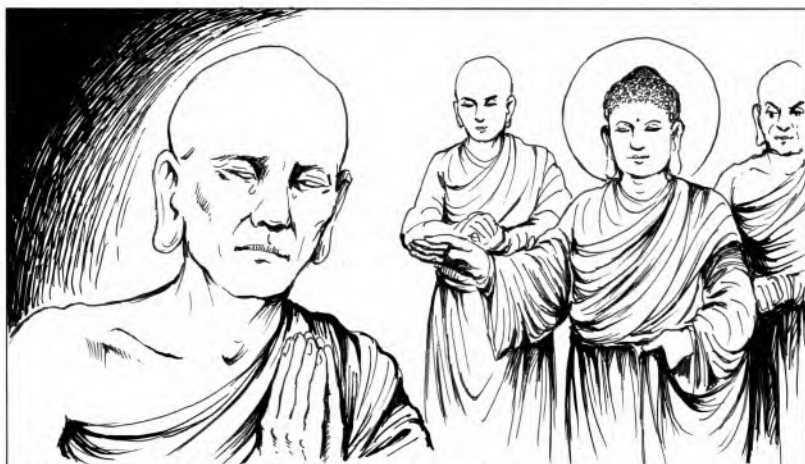
Tuy A-nan nói thì thầm nhưng Phật vẫn nghe rõ cả. Từ trong Hương phòng, Ngài phóng âm thanh về phía A-nan.

Này A-nan,
sao thầy không mời
Ta đi vá áo cho
A-na-luật.



A-nan xúc động. Mục-kiền-liên cũng xin đi. Thế rồi Phật và hai đại đệ tử đến trú xứ của A-na-luật.

Này
A-na-luật,
hãy đem hộp
kim chỉ ra ! A-nan,
Mục-kiền-liên và
Ta đến vá áo.



Từ trong đôi mắt mù loà ứa ra hai hàng lệ.
Sau buổi sáng hôm đó, ba y rách của A-na-luật được lành lặn, đẹp đẽ hẳn lên... giống như tâm hồn của chủ nhân nó đang đẹp đẽ gấp nhiều lần so với ngày xưa.

V. Ba người sống hoà thuận trong rừng vắng

Cuối mùa mưa năm 581 trước Tây lịch, Phật đi về phía rừng Trúc Lâm, nhưng bị người gác rừng chặn lại.

Xin Ngài chờ vào. Ở trong đó có 3 vị thánh đang tu hành

Nếu ông vào nói có người đến thăm, thì 3 vị đó sẽ ra ngay.



Quả nhiên, một lát sau, A-na-luật, Kimbila và Nandiya xuất hiện. Nhận ra Thế Tôn, cả ba rất vui mừng, mời Phật vào rừng, đỡ y bát, trải toạ cụ và lấy nước rửa chân Phật.

Các thầy có được an tịnh không? Việc đi hoằng hoá và khát thực có dễ dàng không?

Bạch Thế Tôn, chúng con rất an tịnh. Mọi việc ở đây đều dễ dàng.



— Các thầy có thương mến và có sống hoà hợp với nhau không ? — Phật hỏi tiếp.

— Chúng con thương mến và sống hoà hợp với nhau như sữa với nước. — A-na-luật đáp.

Kimbila và Nandiya cũng xác nhận rằng cả ba như là một.

A-na-luật kể cho Phật nghe công việc hằng ngày của ba người như sau :

— Sau buổi ngồi thiền đầu tiên trong ngày, chúng con đi khát thực. Ai trở về sớm nhất thì nhanh tay sắp đặt chỗ ngồi, đi lấy nước uống, nước rửa mặt và đặt một cái chậu sạch tại nơi này.

— Sau đó, vị này mới đi rửa mặt, rửa chân, san bột thức ăn của mình vào chậu sạch (đây là phần thức ăn dành cho vị nào không khát thực đủ một phần ăn).

— Xong xuôi, vị đó ngồi xuống, quán niệm và thọ trai.

— Nhờ vậy, khi hai vị kia về thì nước rửa, nước uống,... đã có sẵn ; họ chỉ việc ngồi xuống rửa tay, rửa chân, rửa mặt và thọ trai.



— Sau buổi thọ trai, ba người cùng đi dọn dẹp : thức ăn còn dư sẽ được đem đổ tại một khoảng đất không có cỏ cây hoặc không có động vật nào sinh sống.

— Rồi rửa bình bát, rửa chậu và úp ngược xuống !

— Ai thấy hết nước uống thì tự động châm thêm, thấy vại nước rửa bị lúng, thì đi xách nước, đổ vào cho đầy, thấy nhà vệ sinh không sạch thì đi chùi rửa.

— Việc nào cần nhiều người làm thì cùng nhau chung sức, không đợi lên tiếng mời gọi.

— Cứ mỗi 5 ngày, cùng nhau ngồi lại một lần để trao đổi kinh nghiệm học tập.

Phật nghe xong, khen cả 3 đệ tử này.



VI. Cảm hoá đạo tặc



Đêm đó vô số ngôi sao chiếu lấp lánh trên bầu trời đen thẳm. Trăng lưỡi liềm toả ánh sáng ít ỏi của nó xuống khu rừng có tôn giả A-na-luật đang ngồi thiền.



Không gian đang vắng lặng bỗng có tiếng chân người ở xa xa. Rồi tiếng động ấy to dần, rõ dần và sau cùng xuất hiện một toán người đang đi về hướng của tôn giả. Khi thấy họ đến gần, tôn giả đang hắng để báo “ở đây có người”.

Đó là bọn cướp vừa ăn hàng về. Chúng hết hoảng, rút dao ra, bao vây “con người khả nghi”, nói nhỏ với nhau :

Ta bị lộ rồi !
Phải giết người này.
Lão phá việc làm
ăn của bọn
mình.



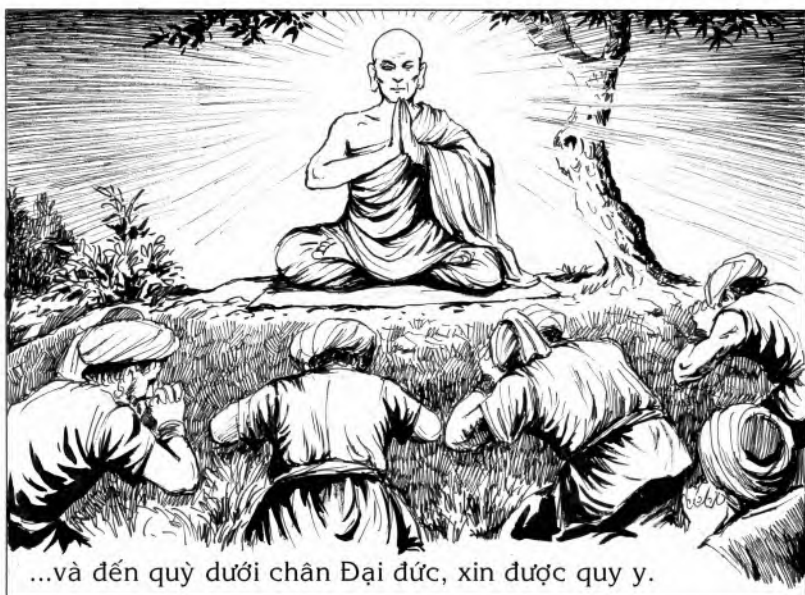
Các người
giết ta thì rất dễ.
Nhưng sau khi ta chết,
các người cũng khó
toàn mạng.







Huyền diệu thay những lời của tôn giả A-na-luật. Trong phút chốc, thiện nghiệp ngày xưa của bọn cướp bỗng sống dậy, chúng liền vứt bỏ khí giới...



...và đến quỳ dưới chân Đại đức, xin được quy y.



Bình minh lên với muôn ngàn tia nắng rực rỡ, xoá sạch bóng đen và lòng người cũng bừng sáng y như Đất, Trời : những người vừa giấc ngộ đem tiền bạc cướp được trả lại cho chủ của nó.



Các gia đình mất của rất vui mừng, nhưng liền đó, họ nhận ra rằng mọi vật đều vô thường, nên cùng nhau xin quy y, làm cư sĩ.

VII. Thiên nhãn nhìn được khắp nơi

Do không chịu ngủ, A-na-luật bị mù, nhưng nhờ tinh tấn thực hành thiền định, Đại đức đã đạt được *thông thiên nhãn*. “Mắt Trời” không những nhìn thấy mọi vật chung quanh y như mắt thường mà còn nhìn thấy suốt cõi âm và cõi thiên. Bấy giờ A-na-luật đến gặp Xá-lợi-phất, nói :

— Thưa sư huynh, đệ có thể nhìn thấy hàng vạn thế giới, tinh thần đệ sáng suốt, thân thể mạnh khỏe... nhưng không hiểu sao tâm hồn đệ chưa thoát khỏi các phiền não nhỏ nhặt.

— Khi hiện đệ nghĩ rằng mình có thể nhìn thấy hàng vạn thế giới, tinh thần sáng suốt... thì đó chính là lúc lòng tự mãn xuất hiện. Còn lúc hiện đệ thấy mình chưa thoát ra khỏi các phiền não nhỏ nhặt... thì đó chính là lúc đệ bị các hoài nghi quấy nhiễu. *Hãy xua đuổi các tư tưởng có hại đó ra khỏi tâm trí mình*

A-na-luật trở về chỗ ẩn cư, tiếp tục ngồi thiền và cố loại trừ các tư tưởng bất thiện nói trên. Cuối cùng ngài đắc quả A-la-hán.



Sau đây là vài hình ảnh mà A-na-luật nhìn thấy nhờ có thiên nhãn.

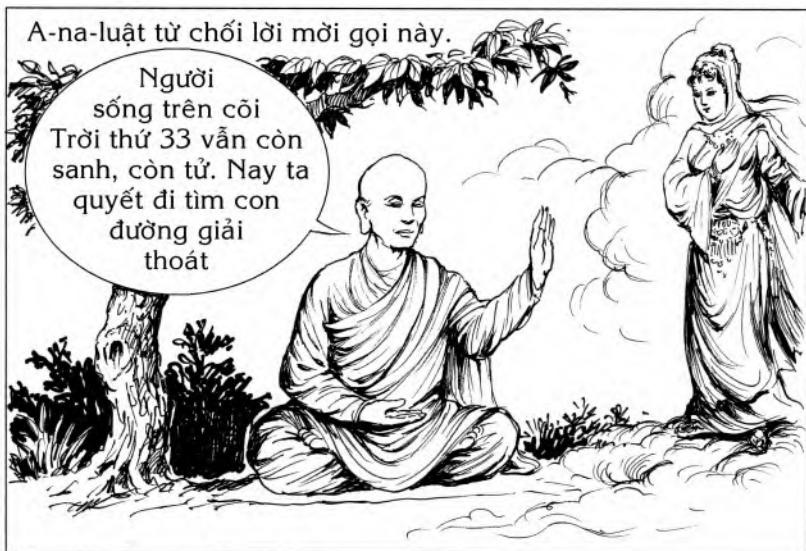
1. Lúc tôn giả ẩn cư tại một khu rừng vắng, một tiên nữ từ cõi Trời thứ ba mươi ba hiện xuống*, đến đứng kế bên.

Ông hãy
phát nguyện được
chấm dứt tuổi thọ để
trở về cõi Trời, sum
họp với thiếp.



A-na-luật từ chối lời mời gọi này.

Người
sống trên cõi
Trời thứ 33 vẫn còn
sanh, còn tử. Nay ta
quyết đi tìm con
đường giải
thoát



* Đây là người vợ cũ của tôn giả lúc tôn giả làm Đế Thích Thiên Chủ. Khi tôn giả xuống trần dưới lốt thân xác phàm “Vương tử A-na-luật”, ngài “bị quên hết” các chuyện của tiền kiếp, nhưng tiên nữ thì vẫn còn nhớ.

2. Có lần một số tiên nữ đến vây quanh A-na-luật, khoe :



Các tiên nữ liền làm theo “lời yêu cầu thầm kín” của A-na-luật, rồi múa hát, cố lời cuốn nhà tu. Thế nhưng tỷ kheo vẫn ngồi tham thiền, khiến các tiên nữ chán nản, kéo đi nơi khác.

A-na-luật đem việc mình nhìn thấy tiên, hỏi Phật :

— Bạch Thế Tôn, nhờ đâu mà một nữ nhân được sanh lên Thiên giới ?

— Đó là những phụ nữ có đủ 8 phẩm hạnh sau đây :

1. Sau khi lập gia đình, nữ nhân đó biết chiều chuộng và thân ái đối với chồng.
2. Lịch sự với khách của chồng, nhất là với cha mẹ chồng.
3. Chu toàn mọi việc trong gia đình.
4. Chăm sóc kẻ ăn người ở trong nhà.
5. Không phung phí tài sản của chồng.
6. Không cờ bạc, không uống rượu và phải tìm mọi cách giúp chồng thoát khỏi “hai tai hoạ” đó.
7. Quy y và giữ 5 giới cấm.
8. Thường xuyên bố thí và giúp đỡ những người nghèo khó.



3. Sau khi quan sát các cảnh khổ của nữ giới ở địa ngục, A-na-luật hỏi Phật :

— Bạch Thế Tôn, các nữ nhân nào bị đọa vào địa ngục ?

— Nữ nhân nào có 5 tội xấu sau đây sẽ bị đọa vào địa ngục :

1. Không tin tưởng chánh pháp.
2. Không biết hổ thẹn khi đã làm điều xấu xa.
3. Không sợ tội lỗi.
4. Hay nóng giận và thô lỗ.
5. Ưa tin nhầm.



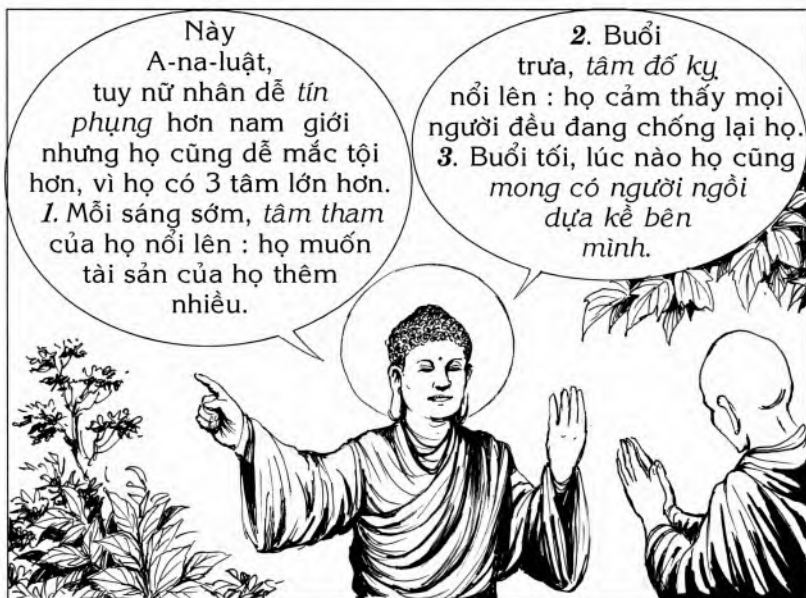
Trong một dịp khác, A-na-luật lại hỏi Phật :

Bạch
Thế Tôn, nữ nhân
rất dễ tin theo lời Thế Tôn,
nhiều lòng từ hơn nam giới,
nhưng sao họ bị đoạ vào
địa ngục nhiều hơn.



Này
A-na-luật,
tuy nữ nhân dễ tin
phụng hơn nam giới
nhưng họ cũng dễ mắc tội
hơn, vì họ có 3 tâm lớn hơn.
1. Mỗi sáng sớm, tâm tham
của họ nổi lên : họ muốn
tài sản của họ thêm
nhiều.

2. Buổi
trưa, tâm đố kỵ
nổi lên : họ cảm thấy mọi
người đều đang chống lại họ.
3. Buổi tối, lúc nào họ cũng
mong có người ngồi
dựa kê bên
mình.

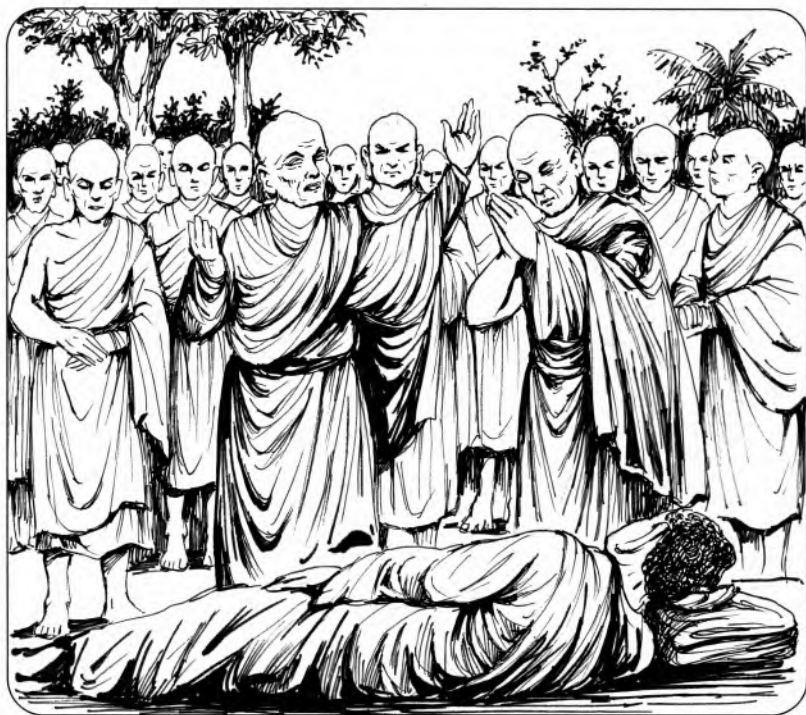


4. Năm 546 trước Tây lịch, trong “*Chuyến đi cuối cùng*” từ Vương Xá đến Kusinara, Phật dẫn theo vài đệ tử, trong đó có A-na-luật và A-nan. Tại Kusinara, Phật nhập Niết bàn giữa hai cây sa la song thọ. Mọi người có mặt hết sức buồn bã. Từng lúc một, họ muốn biết “*hiện giờ Thế Tôn đang ở đâu*”.

Với **thiên nhân đệ nhất** của mình, A-na-luật đã trả lời các câu hỏi của họ, nhờ đó bầu không khí bớt căng thẳng.

Trong lúc hoả táng, nhiều hiện tượng lạ đã xảy ra : Tám tộc trưởng người Malla không khiêng nổi xác thân Phật ; châm lửa mãi mà giàn hoả vẫn không cháy...

Với thiên nhân của mình, A-na-luật giải thích các nguyên nhân của việc đó. Mọi người nghe xong, bớt lo lắng*.



* Xin xem chi tiết các chuyện này trong bài “*Cuộc Hành Trình Cuối Cùng*” trong quyển **truyện tranh Lịch sử Phật Thích Ca**.

Truyện Tranh
THẬP ĐẠI ĐỆ TỬ
PHẬT THÍCH CA

Trung Tâm Nghiên Cứu Phật Giáo Việt Nam thực hiện
Thế Giới Phật Giáo .org (quốc tế) ấn tống với Bản Quyền

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Truyện Tranh
THẬP ĐẠI ĐỆ TỬ
PHẬT THÍCH CA

Lời: LÝ THÁI THUẬN
Tranh: TRƯƠNG QUÂN

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

1. **Kinh Trường Bộ** Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1991.
2. **Kinh Trung Bộ** Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1992.
3. **Tăng Chi Bộ kinh** Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1996.
4. **Tương Ưng Bộ kinh** Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1993.
5. **Chuyện Tiền Thân Đức Phật** Hoà Thượng Thích Minh Châu,
Trần Tuấn Mẫn,
Nguyên Tâm Trần Phương Lan.
Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1993.
6. **Thập Đại Đệ Tử truyện** Thích Tịnh Vân.
Người dịch : Như Đức.
7. **Đức Phật Lịch Sử** H.W. Schumann.
Giáo sư *Nguyên Tâm* Trần Phương Lan dịch.
Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1997.
8. **Đức Phật và Phật pháp** Narada, Thera.
Phạm Kim Khánh dịch.
Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, 1998.
9. **Chú giải kinh Pháp Cú** Trưởng lão Thiền sư Pháp Minh dịch.
Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, 1998.
10. **Phật Báo Ân**
11. **Phật học Tinh hoa** Thu Giang Nguyễn Duy Cần
Khai Trí, 1971.
12. **Phật học Từ điển** Đoàn Trung Còn
Phật học Tông Thư, 1966.
13. **Từ điển Phật học Việt Nam** Thích Minh Châu và Minh Chi
Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 1991.
14. **Huệ Quang đại Tự điển** Tu viện Huệ Quang, 2000.